

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN LẠC
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 18-12-2017.

V/v tranh chấp Ly hôn giữa anh

Bùi Thế A và chị Hà Thị T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Lữ.

Ông Bùi Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Đinh Mạnh Cơ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2017/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐXX-ST ngày 01 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Thế A, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Xóm L, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1987.

Nơi ĐKKHKT: Xóm L, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình. (Đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định số 01/2017/QĐDS-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình). Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là anh Bùi Thế A trình bày: Anh Bùi Thế A và chị Hà Thị T đã kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, sống chung với nhau thực tế từ năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình ngày 21/5/2006. Cuộc sống chung sau khi kết hôn giữa hai vợ chồng có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh từ năm 2014, nguyên nhân do chị Hà Thị T ngoại

tình, bỏ đi theo người đàn ông khác và biệt tích từ đó. Anh Bùi Thế A đã tìm kiếm nhiều lần nhưng không có kết quả. Vì vậy anh Bùi Thế A đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Hà Thị T mất tích và được Tòa án chấp nhận tuyên bố chị Hà Thị T mất tích theo Quyết định số 01/2017/QĐDS-ST ngày 21/9/2017. Từ khi tuyên bố mất tích cho đến nay, chị Hà Thị T cũng không trở về, anh Bùi Thế A và những người thân thích của chị T cũng không biết tin tức gì về chị T. Nay anh Bùi Thế A thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn với chị Hà Thị T. Về con chung: Anh Bùi Thế A và chị Hà Thị T có 01 con chung là Bùi Vân K, sinh ngày 02/9/2005. Khi ly hôn, anh Bùi Thế A nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chưa có yêu cầu chị Hà Thị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

Về nguyện vọng của con chung: Tòa án đã ghi nhận nguyện vọng của cháu Bùi Vân K, xác định cháu Bùi Vân K có nguyện vọng ở với anh Bùi Thế A sau khi ly hôn.

Tại phiên tòa, anh Bùi Thế A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Phía đại diện Viện kiểm sát nhận định về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án đến thời điểm xét xử. Hội đồng xét xử cũng đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về ly hôn. Cả nguyên đơn và bị đơn đều đăng ký nhân khẩu thường trú tại huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình nên Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị Hà Thị T không có mặt tại Tòa án do trước đó chị T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích đến nay vẫn chưa trở về, không có tin tức gì về chị T, do vậy không thể tiến hành thủ tục hòa giải và việc Tòa án xét xử vắng mặt chị Hà Thị T là có căn cứ theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Thế A và chị Hà Thị T khi kết hôn là tự nguyện, không vi phạm về độ tuổi cũng như những quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn do cơ quan đúng thẩm quyền chứng nhận. Do vậy, hôn nhân giữa anh Bùi Thế A và chị Hà Thị T được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống sau khi kết hôn giữa anh Bùi Thế A và chị Hà Thị T có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị Hà Thị T có quan hệ ngoại tình và bỏ đi biệt tích từ năm 2014 cho đến nay. Như vậy, anh Bùi Thế A và chị Hà Thị T đã sống ly thân nhau thời gian dài, không có tin tức gì về nhau, không có sự thương yêu quan tâm đến nhau, đời

sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa chị Hà Thị T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Do vậy có đủ căn cứ đề chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Bùi Thế A theo quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xác nhận anh Bùi Thế A và chị Hà Thị T có 01 con chung là Bùi Vân K, sinh ngày 02/9/2005. Khi ly hôn, anh Bùi Thế A nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chưa có yêu cầu chị Hà Thị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Xét chị Hà Thị T hiện đang mất tích; không rõ chỗ ở, thu nhập và các điều kiện nuôi con. Hơn nữa cháu Bùi Vân K có nguyện vọng ở với bố là anh Bùi Thế A và thực tế vẫn ở với anh Thế A từ khi anh Thế A và chị T sống ly thân nhau. Vì quyền lợi mọi mặt của cháu K, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận giao cháu Bùi Vân K cho anh Bùi Thế A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là có căn cứ, hợp tình, hợp lý. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, do anh Bùi Thế A chưa có yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng và xét đây là ý kiến tự nguyện của anh Bùi Thế A, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung do anh Bùi Thế A chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, về công nợ chung của anh Bùi Thế A và chị Hà Thị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Thế A về việc xin ly hôn; cho anh Bùi Thế A được ly hôn với chị Hà Thị T.

2. Về nuôi con: Giao con chung của anh Bùi Thế A và chị Hà Thị T là Bùi Vân K, sinh ngày 02/9/2005 cho anh Bùi Thế A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng sau ly hôn. Chị Hà Thị T chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do anh Bùi Thế A chưa có yêu cầu. Chị Hà Thị T có quyền thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Chị Hà Thị T không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung của anh Bùi Thế A.

3. Án phí: Anh Bùi Thế A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 07122 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc; anh Bùi Thế A đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tân Lạc;
- UBND xã P – Tân Lạc – Hòa Bình;
- (Nơi đăng ký kết hôn ngày 21/5/2006)*
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Phạm Cao Sơn